

Số: **3075** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **18** tháng **12** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh

Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4558/TTr-STNMT ngày 20/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá các mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023 với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về các khu vực mỏ đấu giá

a) Tổng số gồm 11 điểm mỏ khoáng sản (10 điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp, 01 điểm mỏ cát, sỏi).

(chi tiết như phụ lục kèm theo).

b) Thông tin về các khu vực mỏ đấu giá như vị trí, ranh giới mỏ, diện tích, tài nguyên dự báo được thể hiện ở Phụ lục kèm theo quyết định này.

c) Tất cả các khu vực mỏ đưa ra đấu giá chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng nhưng đã được thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản với tài nguyên dự báo cấp 333, 334a; chưa được bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Giải phóng mặt bằng khu vực mỏ đấu giá

Hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đều có tài sản gắn liền với đất; diện tích đất đã giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Do vậy, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải thực hiện giải phóng mặt bằng trước khi thuê đất và hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tổng vốn đầu tư của các dự án khai thác khoáng sản

a) Giá khởi điểm

- Giá khởi điểm đối với các khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ, cụ thể: Giá khởi điểm đối với các mỏ đất làm vật liệu san lấp: $R = 3\%$; đối với các mỏ cát, sỏi lòng sông $R = 5\%$.

- Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; chi phí giải phóng mặt bằng; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

b) Bước giá

Bước giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định theo mức thu

tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) và được tính bằng 0,1 % giá khởi điểm R.

c) Tiền đặt trước

- Tiền đặt trước là khoản tiền mà tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp trước khi tham gia phiên đấu giá, được tính bằng đồng Việt Nam và được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Tiền đặt trước đối với đất làm vật liệu san lấp là 7% ; đối với cát, sỏi là 10% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính toán trên cơ sở tài nguyên dự báo tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 và bổ sung tại Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021.

(Chi tiết tiền đặt trước các mỏ tại Phụ lục kèm theo).

- Tổ chức tham gia đấu giá có thể nộp tiền đặt trước bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh ngân hàng theo phương thức như sau:

+ Trường hợp nộp tiền mặt, tổ chức tham gia đấu giá nộp vào tài khoản thanh toán riêng của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

+ Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh ngân hàng cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp. Thời hạn bảo lãnh cho đến khi tổ chức trúng đấu giá nộp đủ tiền để được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Tiền đặt trước nộp trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp tiền đặt trước vào tài khoản của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp sẽ được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm chuyển số tiền đặt trước của tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tiền đặt trước được hoàn trả cho tổ chức tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

d) Tổng vốn đầu tư của các dự án đầu tư khai thác khoáng sản

Tổng vốn đầu tư của các dự án khai thác khoáng sản được xác định theo tỷ suất đầu tư quy định tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 (*Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh*). Do Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 và Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh không quy định tỷ suất đầu tư đối với mỏ đất làm vật liệu san lấp, do đó, tỷ suất đầu tư khai thác đất làm vật liệu san lấp được áp dụng theo tỷ suất đầu tư mỏ sét làm gạch ngói là 5,0 tỷ đồng (*Bằng chữ : Năm tỷ đồng*), tỷ suất đầu tư khai thác mỏ cát, sỏi là 2,5 tỷ đồng (*Bằng chữ : Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

4. Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá được quy định như sau:

+ Đối với khu vực mỏ có giá khởi điểm từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: 200.000 đồng/hồ sơ.

+ Đối với khu vực mỏ có giá khởi điểm trên 500 triệu đồng: 500.000 đồng/hồ sơ.

- Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm thu tiền bán hồ sơ của tổ chức được chọn tham gia cuộc đấu giá. Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức tham gia đấu giá được hoàn lại tiền bán hồ sơ đã nộp.

5. Cơ quan tổ chức thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, và UBND cấp huyện có liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định hiện hành.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan lập, thông báo và cung cấp hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, đồng thời là cơ quan tiếp nhận, chủ trì xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

6. Thời gian thông báo, tiếp nhận, xét hồ sơ tham gia đấu giá

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản và ký hợp đồng với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức phiên đấu giá theo quy định.

b) Thời gian để thông báo và đăng tải thông tin về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và cung cấp hồ sơ mời đấu giá: 30 ngày.

c) Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá: 30 ngày kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

d) Thời gian xét hồ sơ tham gia đấu giá: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

7. Đối tượng, điều kiện và hồ sơ tham gia đấu giá

a) Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá

- Đối tượng: Đáp ứng các quy định của tổ chức thăm dò, khai thác khoáng sản quy định tại Điều 34 và Điều 51 của Luật Khoáng sản.

- Điều kiện tham gia đấu giá:

Các tổ chức tham gia đấu giá phải có đủ các điều kiện sau:

+ Là tổ chức có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

+ Đã nộp tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước theo quy định.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nếu không tham dự cuộc đấu giá phải có văn bản ủy quyền cho người khác có đủ năng lực đấu giá theo quy định của pháp luật.

Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 03 người tham gia cuộc đấu giá, trong đó có 01 người đại diện được phát giá.

Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

b) Hồ sơ tham gia đấu giá

Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá gồm 01 bộ bỏ vào bì dán kín, niêm phong và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị, hồ sơ gồm có:

- Bản chính Đơn đề nghị tham gia đấu giá.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Hồ sơ giới thiệu về năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu và khả năng huy động tài chính.

- Bản chính Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan Thuế là đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đến thời điểm tham gia đấu giá.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản và giấy phép đã được cấp (*Đối với tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*).

c) Xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá

- Tiêu chí xét chọn:

Tổ chức được xét chọn tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định tại điểm b khoản này.

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức thăm dò, khai thác khoáng sản quy định tại Điều 34 và Điều 51 của Luật Khoáng sản.

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

+ Năng lực tài chính: Các tổ chức tham gia đấu giá phải có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án khai thác khoáng sản. Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu được quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

+ Có Văn bản xác nhận của cơ quan Thuế là đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đến thời điểm tham gia đấu giá.

+ Đối với tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nộp kèm theo văn bản chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật Khoáng sản và giấy phép đã được cấp đến thời điểm tham gia đấu giá.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Tư pháp, Công Thương, Xây dựng và UBND cấp huyện nơi có mỏ khoáng sản được đưa ra đấu giá thực hiện xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá; chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá theo quy định. Việc xét chọn phải hoàn thành trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 48 Luật Đấu giá tài sản, Điều 11 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ. Ngoài ra, còn thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện giải phóng mặt bằng khu vực mỏ, bãi chế biến và đất xây dựng các công trình khác phục vụ khai thác khoáng sản.

- Tổ chức trúng đấu giá đã được cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản nếu vi phạm quy định của pháp luật, UBND tỉnh sẽ thu hồi giấy phép và không hoàn trả các khoản chi phí đã đầu tư.

- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản về Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo biên bản họp cộng đồng dân cư và văn bản ý kiến của UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có mỏ.

8. Tổ chức đấu giá

a) Trình tự, nguyên tắc tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, phê duyệt và thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Thực hiện theo Điều 21, 22, 23 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Thực hiện theo Điều 7, 8 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

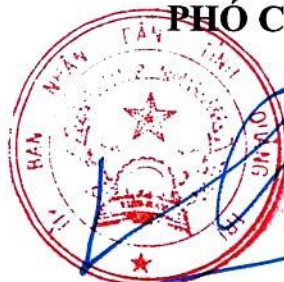
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lv*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT. *70*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC ĐIỂM MỎ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3075 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên điểm mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Vị trí	Tọa độ VN2000			Tài nguyên dự báo cấp 333 + 334a (ngàn m ³)	Giá khởi điểm (triệu đồng)	Tiền đặt trước (triệu đồng)
					Điểm góc	X(m)	Y(m)			
A. MỎ ĐÁT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP										
I HUYỆN ĐAKRÔNG (01 mỏ)										
1	Mỏ Xa Vi Km 34 + 500 QL9	Đất làm vật liệu san lấp	40,8	Thuộc thôn Xa Vi, xã Hương Hiệp	1	1,851,502	564,186	3.000	2.539,1 Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,9 R = 3%	177,7
					2	1,851,873	564,384			
					3	1,851,626	564,775			
					4	1,851,441	564,593			
					5	1,850,839	565,052			
					6	1,850,481	565,041			
II HUYỆN VINH LINH (02 mỏ)										
1	Mỏ đất Vĩnh Chấp	Đất làm vật liệu san lấp	14,5	Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	1	1891766	572400	290	259,1 Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	18,1
					2	1891842	572482			
					3	1891720	572937			
					4	1891638	573089			
					5	1891519	573045			
					6	1891565	572945			
					7	1891515	572857			
					8	1891572	572611			

2	Vĩnh chấp 3	Đất làm vật liệu san lấp	3.25	Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	9	1891485	572479	230	205.5 Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	14.4
					1	1888891	573945			
					2	1888886	573982			
					3	1888845	574042			
					4	1888623	574051			
					5	1888653	573989			
					6	1888757	573847			
III	HUYỆN GIO LINH (04 mô)									
1	Mỏ đất Trung Sơn 1	Đất làm vật liệu san lấp	9,3	Thôn Bến Hải, xã Trung Sơn, huyện Gio Linh	1	1876275	579730	470	419,9 Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	29,4
					2	1876304	579761			
					3	1876312	579801			
					4	1876305	579802			
					5	1876309	579820			
					6	1876307	579862			
					7	1876310	579873			
					8	1876327	579913			
					9	1876322	579945			
					10	1876335	579949			
					11	1876341	579981			
					12	1876340	579992			
					13	1876334	580017			
					14	1876306	580058			
					15	1876262	580122			
					16	1876228	580145			
					17	1876213	580154			
					18	1876198	580121			
					19	1876178	580100			
					20	1876162	580074			

2	Mô đất Phong Bình 1	Đất làm vật liệu san lấp	25	Xã Phong Bình, huyện Gio Linh	21 1876098 580028 22 1876084 580021 23 1876044 580024 24 1876063 579954 25 1876060 579929 26 1876046 579827 27 1876032 579749 28 1876267 579721	1.100	1.321,2 Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	92,5

3	Mô đất Linh Trường 2	Đất làm vật liệu san lấp	6,5	Xã Linh Trường, huyện Gio Linh	21	1873411	584421	320	285,9	20,0								
					22	1873349	584235											
					23	1873135	584310											
					24	1873089	584128											
					25	1872939	584192											
					26	1872908	584102											
					27	1872771	584026											
					28	1872818	583839											
					29	1872938	583834											
					1	1876163	575465											
					2	1876181	575583											
					3	1876231	575642											
					4	1876207	575824											
					5	1876182	575816											
					6	1876123	575802											
					7	1876110	575773											
					8	1876088	575764											
					9	1876046	575768											
					10	1875964	575779											
					11	1875991	575628											
					12	1876011	575543											
					13	1876018	575487											
					4	Mô đất Linh Trường 4	Đất làm vật liệu san lấp				17,8	Xã Linh Trường, huyện Gio Linh	1	1870015	571711	890	795,1	55,7
													2	1870036	571722			
													3	1870071	571749			
													4	1870123	571765			
													5	1870180	571817			
													6	1870181	571818			
													7	1870203	571807			

8	1870211	571767
9	1870226	571760
10	1870249	571748
11	1870259	571767
12	1870313	571801
13	1870338	571832
14	1870329	571854
15	1870341	571887
16	1870348	571892
17	1870363	571889
18	1870361	571948
19	1870360	571966
20	1870320	571967
21	1870303	571976
22	1870283	572025
23	1870282	572028
24	1870284	572071
25	1870275	572120
26	1870250	572177
27	1870262	572223
28	1870308	572237
29	1870315	572223
30	1870345	572259
31	1870330	572315
32	1870292	572319
33	1870289	572320
34	1870226	572284
35	1870135	572253

							36	1869984	572185			
							37	1869908	571918			
							38	1869983	571716			
IV	HUYỆN TRIỆU PHONG (01 mỏ)											
1	Mỏ Trảng Sỏi	Đất làm vật liệu san lấp	17,2	Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	1	1853199	586529	680	Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	607,5	42,5	
					2	1853094	587072					
					3	1853007	586919					
					4	1852892	586841					
					5	1852909	586787					
					6	1852829	586755					
					7	1852703	586735					
					8	1852728	586640					
					9	1852683	586442					
					10	1852777	586417					
					11	1852855	586439					
					12	1852944	586520					
					13	1853061	586474					
					14	1853076	586523					
					15	1853117	586564					
V	HUYỆN HẢI LĂNG (02 mỏ)											
1	Mỏ đất Xã Hải Chánh	Đất làm vật liệu san lấp	25,2	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng	1	1835459	608447	3.000	Trong đó G = 27.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,95 R = 3%	2.680,2	187,6	
					2	1835056	608894					
					3	1834708	608642					
					4	1835161	608195					

2	Mô đất Hải Sơn	Đất làm vật liệu san lấp	11,02	xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng	1	1839340	605839	826,422	738,3	51,7
					2	1839418	605872			
					3	1839458	606017			
					4	1839594	606199			
					5	1839742	606222			
					6	1839658	606387			
					7	1839486	606303			
					8	1839345	606356			
					9	1839265	606015			
					10	1839362	605988			
B. MỎ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG										
1	Mỏ cát, sỏi SH4	Cát, sỏi	2,43	Thôn Tân Lâm, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	SH4-1	1855952	697945	41,3	235,0	23,5
					SH4-2	1855944	697883			
					SH4-3	1855818	697756			
					SH4-4	1855814	697802			
					SH4-5	1855726	697710			
					SH4-6	1855688	697730			
					SH4-7	1855725	697646			
					SH4-8	1855638	697616			
					SH4-9	1855512	697613			
					SH4-10	1855506	697583			
					SH4-11	1855618	697539			
					SH4-12	1855729	697616			